

Bản án số:22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 9 - 2020
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Đinh Thị Tin

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19b/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số:12a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020; Thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu B1 2, phường M1, Kinh Môn, Hải Dương

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1960

Nguyên quán: xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương); Địa chỉ cư trú: Khu B1, M1, thị xã Kinh Môn, Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

-Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1965; Trưởng ban Mặt trận thôn B, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn

N1 vào năm 1982, được đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (nguyên quán của ông N1) trên tinh thần tự nguyện.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống H2 thuận, cho đến năm 1995, không biết vì lý do gì ông N1 xin nghỉ việc tại Công ty xi măng Hoàng Thạch đi đâu mẹ con bà không rõ. Bà đã đi tìm kiếm ông N1 và được biết ông N1 sinh sống lao động tự do tại Vũng Tàu. Bà liên hệ với ông N1 nhiều lần, song ông N1 cương quyết không về, nhiều khi còn cắt đứt liên lạc. Nay bà nghe được ông N1 có quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng bà không có căn cứ gì để chứng minh. Để cuộc sống của đôi bên không còn giằng buộc, tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên bà đề nghị Tòa án thị xã Kinh Môn giải quyết cho bà được ly hôn ông N1.

Về con chung: Bà và ông N1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn C1, sinh năm 1984 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985. Hiện hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ông N1 không có mặt theo giấy triệu tập, Tòa án tiến hành làm việc tại địa phương (nơi nguyên quán của ông N1) do bà Nguyễn Thị X (em dâu ông N1, công tác tại Mặt trận thôn Bá Nha, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương) xác định: Ông Nguyễn Văn N1 công tác tại Công ty xi măng Hoàng Thạch, địa chỉ: B1, M1, Kinh Môn, Hải Dương. Năm 1982, ông N1 kết hôn cùng bà H1 tại B1, M1, Kinh Môn, Hải Dương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương). Sau khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, ông N1 và bà H1 tiếp tục sinh sống, làm việc tại B1, M1. Đến năm 1995 không biết vì lý do gì trong quá trình công tác tại Công ty xi măng Hoàng Thạch, hiện ông N1 không đăng ký tạm trú, lao động tự do, không có nơi ở ổn định tại Vũng Tàu, ông N1 vẫn về gia đình bà. Bà đã thông báo cho ông N1 biết việc TAND thị xã Kinh Môn thụ lý vụ án ly hôn do bà H1 yêu cầu và triệu tập ông N1 về TAND thị xã Kinh Môn để giải quyết, xác định quan điểm của ông N1, song thực tế tình cảm của ông N1 đối với bà H1 không còn, nên ông N1 đề nghị TAND thị xã Kinh Môn xét xử vắng mặt ông theo quy định.

Về con chung: Ông N1 và bà H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn C1, sinh năm 1984 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985. Hiện hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành, nên ông N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân phường M1 cung cấp: Ông N1 và bà H1 kết hôn với nhau vào năm 1982, được đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương (nguyên quán của ông N1) trên tinh thần tự nguyện.

Sau ngày cưới, vợ chồng ông bà chung sống tại B1, M1, cho đến năm 1995, không biết vì lý do gì ông N1 nghỉ việc tại Công ty xi măng Hoàng Thạch đi đâu ông không báo chính quyền địa phương và không về địa phương làm thủ tục chuyển khẩu. Qua rà soát xác minh, địa chỉ đăng ký hộ khẩu của ông N1 tại M1, Kinh Môn, Hải Dương là đúng. Nay bà H1 xin ly hôn, ông N1 không về mặc dù đã nắm được thông tin, nên địa phương đề nghị Tòa án xem xét việc ly hôn giữa bà H1 và ông N1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung và về tài sản chung, công nợ chung: Địa phương không có quan điểm gì, đề nghị xem xét giải quyết trên cơ sở yêu cầu của các bên.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H1 vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn và không có yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung, tài sản chung, công nợ chung.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng, còn bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị H1 được ly hôn ông Nguyễn Văn N1. Về con chung: Ông N1 và bà H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn C1, sinh năm 1984 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985. Hiện hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành, nên không đặt ra việc giải quyết. Về chia tài sản: Đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án; Về án phí: Bà H1 phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị H1 đối với ông Nguyễn Văn N1 có thực hiện việc đăng ký hộ khẩu tại phường M1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án giải quyết ông Nguyễn Văn N1 không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND thị xã Kinh Môn áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H1 kết hôn với ông Nguyễn Văn N1 trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc bà H1 đề nghị xin ly hôn ông N1, chủ yếu là do tình cảm, trách nhiệm đối với nhau không còn, cuộc sống gia đình không có. Ông N1 bỏ mặc, không có ý thức hàn gắn đoàn tụ cùng bà H1. Tại phiên tòa, bà H1 giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Những điều đó, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà H1 và ông N1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng,

mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H1. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho bà Nguyễn Thị H1 được ly hôn ông Nguyễn Văn N1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông N1 và bà H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn C1, sinh năm 1984 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985. Hiện hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành, đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về chia tài sản: Đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án là phù hợp.

Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì bà H1 phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Văn N1.

2. Về con chung: Ông N1 và bà H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn C1, sinh năm 1984 và cháu Nguyễn Thị H2, sinh năm 1985. Hiện hai cháu đã đủ tuổi trưởng thành, đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra việc giải quyết.

Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H1 phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0000571 ngày 18/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Bà H1 đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND xã T, Thanh Hà, Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền